

TỜ TRÌNH

Phân bổ vốn trồng rừng thay thế (đợt 1) năm 2019 cho Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang.

Kính gửi: UBND tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Công văn số 1955/TCLN-KHTC ngày 24/11/2016 của Tổng cục Lâm nghiệp V/v quản lý, sử dụng tiền trồng rừng thay thế;

Căn cứ Quyết định 1987/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt dự án Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 2213/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định 87/QĐ-SNN ngày 26/02/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT về việc kiện toàn Ban quản lý dự án Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định 295/QĐ-UBND ngày 8/3/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện nhiệm vụ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019;

Xét đề nghị của Chi cục Kiểm lâm tại Công văn số 131/KL-HCTH ngày 07/5/2019 về việc phân bổ vốn trồng rừng thay thế (đợt 1) năm 2019 cho Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang.

Dự án Bảo vệ và phát triển rừng là dự án đặc thù với nội dung chủ yếu là trồng rừng và chăm sóc rừng, công việc chủ yếu phải phụ thuộc vào thời tiết, thời vụ, nhưng đến nay do nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương phân bổ để thực hiện Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang năm 2019 theo Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 8/3/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang chưa có. Nhằm đảm bảo cho diện tích rừng đã trồng năm 1, chăm sóc năm 2 năm 2018 phát triển ổn định. Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh Bắc Giang phân bổ kinh phí từ quỹ trồng rừng thay thế cho dự án Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang để thực hiện chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 2-3 năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, như sau:

1. Số tiền đã thu về quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng để trồng rừng thay thế lũy kế đến ngày 30/4/2019 là: 11.080.170.933 đồng;

2. Số tiền đã phân bổ vốn trồng rừng thay thế lũy kế đến ngày 30/4/2019 là: 9.622.139.000 đồng;

3. Số tiền thực chi: 9.029.611.400 đồng;

4. Kinh phí còn dư tại kho bạc đến ngày 30/4/2019 là 2.050.559.533 đồng (trong đó: Số tiền đã phân bổ nhưng chưa chi là 592.527.600 đồng; số tiền chưa phân bổ là 1.458.031.933 đồng).

5. Dự kiến số kinh phí phân bổ (đợt 1) năm 2019 là 1.458.000.000 đồng.

6. Tổng số kinh phí dự án Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang được sử dụng (đợt 1) năm 2019 từ quỹ trồng rừng thay thế là: 2.050.527.600 đồng (trong đó số tiền phân bổ năm 2019 là: 1.458.000.000 đồng; số tiền đã phân bổ năm 2017-2018 chưa sử dụng chuyển sang là 592.528.600 đồng) để thực hiện chăm sóc 188,5ha rừng trồng năm 2; chăm sóc 167,5ha rừng trồng năm 3 trên địa bàn toàn tỉnh.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Vậy, Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh xem xét, tạo điều kiện để đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao ./.

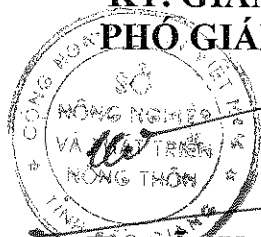
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KT.

Bản điện tử:

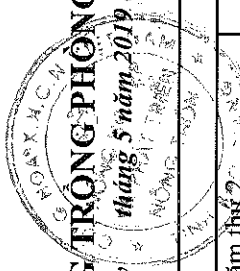
- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- PGĐ Sở Nguyễn Văn Doanh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Phòng KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Doanh

BIỂU KẾ HOẠCH CHĂM SÓC RỪNG TRỒNG PHÒNG HỘ, ĐẶC DỤNG NĂM 2-3 NĂM 2019
(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-SNN ngày / tháng 5 năm 2019 của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bắc Giang)



TT	Đơn vị	Kế hoạch chăm sóc theo năm												Ghi chú
		Tổng số		Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4		Thành tiền (Tr. Đồng)		
		khối lượng(ha)	Kinh phí (Tr. Đồng)	khối lượng (ha)	đơn giá(Tr. Đồng)	thành tiền (Tr. Đồng)	khối lượng (ha)	đơn giá(Tr. Đồng)	thành tiền (Tr. Đồng)	khối lượng (ha)	đơn giá (Tr. Đồng)		thành tiền (Tr. Đồng)	
	Tổng số	356,00	2.041,01	188,50	33,05	1.253,56	167,50	29,65	787,46	0,00	15,12	0,00	0,00	
I	Lâm sinh	356,00	1.889,83	188,50	30,60	1.160,70	167,50	27,45	729,13	0,00	14,00	0,00	0,00	
1	Hạt k. Lâm - Tân, Việt, Hòa	23,50	125,20	13,50	6,20	83,70	10,00	4,15	41,50				0,00	
2	Hạt kiểm lâm Yên Dũng	217,50	1.128,13	110,00	6,20	682,00	107,50	4,15	446,13	0,00	2,50	0,00	0,00	
3	Hạt kiểm lâm Lạng Giang	0,00	0,00			0,00			0,00				0,00	
4	Hạt kiểm lâm Lục Nam	0,00	0,00			0,00			0,00				0,00	
5	Hạt kiểm lâm Yên Thế	0,00	0,00			0,00			0,00				0,00	
6	BQL rừng PH Cẩm Sơn	40,00	220,00	20,00	6,00	120,00	20,00	5,00	100,00	0,00	3,00	0,00	0,00	
7	Hạt kiểm lâm Lục Ngạn	0,00	0,00			0,00			0,00				0,00	
8	BQL rừng PH Sơn Động	30,00	170,00	20,00	6,00	120,00	10,00	5,00	50,00	0,00	3,00	0,00	0,00	
9	Hạt kiểm lâm Sơn Động	0,00	0,00			0,00			0,00				0,00	
10	BQL bảo tồn Tây Yên Tử	10,00	50,00			0,00			0,00				0,00	
11	Hạt Kiểm lâm T. phố	35,00	196,50	25,00	6,20	155,00	10,00	4,15	41,50	0,00	2,50	0,00	0,00	
II	Chi phí quản lý (8%)		151,19		2,45	92,86		2,20	58,33		1,12		0,00	